

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH
HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

Thực hiện Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư CFM và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và kế hoạch 2021 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020

1. Tóm tắt tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế Việt Nam nói chung, và đặc biệt khó khăn với các lĩnh vực dịch vụ không thiết yếu nói riêng (du lịch, đào tạo kỹ năng bổ trợ v...v...) do ảnh hưởng bởi Covid 19.

Công ty cổ phần đầu tư CFM (Gọi tắt là CFM) hoạt động trong lĩnh vực hội thảo, sự kiện đào tạo kỹ năng và kiến thức ngăn ngừa, là một trong những lĩnh vực kinh doanh gặp rất nhiều trở ngại vì:

- Các lần dịch bùng phát tại Việt Nam, chính quyền và các bộ ban ngành đều yêu cầu dừng các hoạt động không thiết yếu, các sự kiện có quy mô trên 30 người.
- Ngân sách của các cá nhân, doanh nghiệp dành cho việc đi học, tham dự sự kiện, hội thảo cắt giảm đột biến, đặc biệt là nửa đầu năm 2020.

Tuy nhiên, nửa cuối năm 2020 ghi nhận một loạt các tín hiệu tích cực đối với ngành đào tạo tổ chức hội thảo ngăn ngừa như:

- Việt Nam áp dụng thành công các chiến lược "dập dịch" một cách hiệu quả và nhanh chóng, hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh sản xuất của người dân.
- Vaccine Covid19 bắt đầu được đưa vào tiêm chủng trên thế giới.
- Thị trường Chứng Khoán Việt Nam trên đà hưng phấn, các nhà đầu tư cá nhân hoặc doanh nghiệp có tích lũy tài chính tốt bắt đầu thể hiện nhu cầu rõ rệt đến các chương trình đào tạo về kế toán, tài chính và đầu tư có chất lượng, uy tín.
- Các nền tảng đào tạo trực tuyến ngày càng được khách hàng và doanh nghiệp đào tạo ưa chuộng và sử dụng thành thạo hơn.

2. Kết quả thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

3.1 Kết quả kinh doanh năm 2020

Kết quả kinh doanh đạt được như sau:

STT	Nội dung	Kế hoạch 2020 (tỷ đồng)	Thực hiện 2020 (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Tỷ lệ thực hiện 2020 so với 2019
1	Tổng Doanh thu	7.110.000.000	2.682.486.663	37,73%	86,2%

2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.110.000.000	2.284.080.000	32,12%	126,36%
3	Lợi nhuận trước thuế	7.207.500	(321.453.539)	-	-

Công ty đã thành công trong việc vượt qua năm đầy khó khăn và thử thách với chỉ số ấn tượng nhất là doanh thu tăng xấp xỉ 25% so với năm 2019, đảm bảo phúc lợi cho toàn bộ nhân sự và giữ uy tín về công nợ thanh toán với các nhà cung ứng. Tuy nhiên hoạt động kinh doanh vẫn chưa có lợi nhuận và các hoạt động tiếp thị, truyền thông còn cần phải hiệu quả hơn nữa.

3.2 Báo cáo về việc thực hiện các Nghị quyết khác của ĐHĐCĐ và các định hướng chiến lược đề ra

Ngay từ đầu năm 2020, HĐQT đã lên kế hoạch bảo vệ tài sản của doanh nghiệp, hạn chế tối đa các hoạt động đầu tư có tính rủi ro thông qua 3 chủ trương chính:

- Chỉ dùng vốn chủ sở hữu, không dùng vốn vay nợ để đầu tư.
- Ưu tiên đầu tư thêm cơ sở vật chất, mặt bằng, địa điểm làm việc để ổn định hoạt động kinh doanh.
- Tìm kiếm các mô hình kinh doanh đã chứng minh sức sống tốt, hoạt động ổn định kể cả trong các đợt dịch bệnh bùng phát để phân bổ 1 phần nhỏ vốn nhân rồi của doanh nghiệp để đầu tư nắm giữ cổ phần trung và dài hạn.

Cụ thể các hoạt động đầu tư bao gồm:

- Mua bất động sản là Sàn TMDV tầng 2 (A2-6-02), dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), khu đô thị Thành phố Giao lưu, đường Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội để làm hội sở của doanh nghiệp, để các nhân sự ổn định hoạt động kinh doanh và vận hành doanh nghiệp.
- Mua bất động sản là Sàn TMDV tầng 1 (A2-6-02), dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), khu đô thị Thành phố Giao lưu, đường Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội và cho thuê tạo dòng tiền ổn định bổ sung cho công ty.
- Đầu tư mua 200.000 CP của công ty cổ phần Central Kitchen & Franchise là một công ty hoạt động trong lĩnh vực FnB với thị trường chính trong thành phố Hồ Chí Minh, đã có mô hình kinh doanh ổn định và hoạt động tốt kể cả trong giai đoạn cách ly, giãn cách xã hội.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- BGD chưa triển khai được các hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn như đã đề ra trong mục tiêu kinh doanh của năm 2020, dẫn đến doanh thu chưa đạt như mục tiêu đề ra đầu năm.
- BGD cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động truyền thông và tiếp thị để công ty có độ phủ thương hiệu mạnh hơn nữa.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Về nhân sự:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư CFM có 03 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Quốc Trung	CT HĐQT
2	Bà Trần Thùy Linh	Phó CT HĐQT
3	Ông Vũ Ngọc Thuận	TV HĐQT

2. Các hoạt động chính của Hội đồng quản trị năm 2020

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Quốc Trung	TV HĐQT không điều hành	7/7	100%	
2	Ông Vũ Ngọc Thuận	TV HĐQT độc lập	7/7	100%	
3	Bà Trần Thùy Linh	TV HĐQT điều hành	6/7	85,71%	Nghỉ thai sản

❖ Các nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2021

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	06/NQ-HĐQT/CFM	02/01/2020	Ủy quyền giám đốc trong quyền hạn của Hội đồng quản trị kỳ hạn 02/01/2020 - 30/04/2020; ủy quyền ông Nguyễn Quốc Trung trong quyền hạn 02/05/2020 - 30/11/2020; thông qua hợp đồng dịch vụ tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư Kết nối Doanh nhân và Tầm nhìn Thế giới; góp vốn vào Công ty Cổ phần CFM Lounge Việt Nam
2	06A/NQ-HĐQT/CFM	05/05/2020	Cho ông Phạm Anh Tuấn vay ngắn hạn
3	07/NQ-HĐQT/CFM	14/05/2020	Thông qua việc mua sắm tài sản cố định là bất động sản tại An Bình City
4	08/NQ-HĐQT/CFM	02/06/2020	Mục đích sử dụng sàn thương mại dịch vụ tầng 01 (A2-6-01) thuộc dự án Ngôi sao An Bình 2
5	08A/NQ-HĐQT/CFM	29/06/2020	Thông qua hợp đồng thuê ông Nguyễn Quốc Trung làm giảng viên đào tạo chương trình Quản trị doanh nghiệp với thù lao 500.000 đồng/ca

6	08B/NQ-HĐQT/CFM	25/09/2020	Thông qua hợp đồng thuê mặt bằng với công ty cổ phần truyền thông MOVE Việt Nam; Thông qua hợp đồng thuê mặt bằng với công ty cổ phần CFM Lounge Việt Nam
7	09/NQ-HĐQT/CFM	10/12/2020	Đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam; Mua cổ phần công ty cổ phần Central Kitchen & Franchise

3. Thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ vào ngân sách thù lao mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã phê duyệt, trong năm 2020 Hội đồng quản trị không nhận thù lao từ công ty.

4. Đánh giá chung hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của các thành viên HĐQT

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, chỉ đạo kịp thời giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

- Hội đồng Quản trị thường xuyên họp định kỳ để đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được thông qua tại các kỳ họp trước, đồng thời định hướng hoạt động cho thời gian tới.

- Hội đồng Quản trị thường xuyên yêu cầu Ban Giám đốc thực hiện báo cáo kết quả thực hiện hoạt động kinh doanh của công ty, đồng thời đưa ra giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

5. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

STT	Công ty có giao dịch	Giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày
1	Công ty Cổ phần CFM Lounge Việt Nam	Góp vốn 50.000.000 đồng	06/NQ-HĐQT/CFM	02/01/2020
		Hợp đồng thuê mặt bằng Sàn TMDV tầng 1 (A2-6-02), dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), khu đô thị Thành phố Giao lưu, đường Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội	08B/NQ-HĐQT/CFM	25/09/2020
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Kết nối Doanh nhân và Tầm nhìn Thế giới	Hợp đồng dịch vụ tư vấn	06/NQ-HĐQT/CFM	02/01/2020
3	Công ty cổ phần truyền thông	Hợp đồng thuê mặt bằng Sàn TMDV tầng 2 (A2-6-02), dự án Ngôi sao An	08B/NQ-HĐQT/CFM	25/09/2020

MOVE Việt Nam	Bình 2 (An Bình City), khu đô thị Thành phố Giao lưu, đường Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội		
---------------	---	--	--

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Mục tiêu năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	
			Kế hoạch	So với TH năm 2020
1	Doanh thu thực hiện	Triệu đồng	7.414	4.731,51
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	980	1.301,454

2. Kế hoạch và định hướng hoạt động:

- Đẩy mạnh truyền thông và tiếp thị để tìm kiếm thêm khách hàng.
- Bổ sung các dòng dịch vụ đào tạo, tư vấn mới để gia tăng giá trị, đẩy doanh thu đến từ nguồn khách hàng cũ.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, các nền tảng đào tạo trực tuyến vào cung cấp dịch vụ cho khách hàng, đặc biệt là phân khúc trẻ dưới 35 tuổi.
- Tiếp tục mở rộng quy mô vốn, đầu tư thêm cơ sở vật chất, phòng hội thảo, hội trường tại thành phố HCM và các tỉnh thành khác nếu phù hợp.

Trên đây là toàn văn báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư CFM trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, GD;
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN QUỐC TRUNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

I. Tổng quan tình hình kinh tế Việt Nam năm 2020

Năm 2020, nền kinh tế Việt Nam nói riêng, toàn cầu nói chung chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid 19 và những dư âm của chiến tranh thương mại Mỹ Trung từ năm 2018 vẫn chưa kết thúc. Đến giai đoạn cuối năm, nhiều nền kinh tế lớn trên Thế giới phải phong tỏa trở lại do làn sóng Covid 19 lần 2 và lần 3. Các nền kinh tế này chính thức rơi vào tình trạng suy thoái dẫn đến thương mại toàn cầu đã bị suy giảm nghiêm trọng.

Nhờ các biện pháp chống dịch hiệu quả cao, kinh tế Việt Nam đã tránh được một cuộc suy thoái và là một trong số ít các quốc gia ghi nhận mức tăng trưởng dương trong năm 2020. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2020 tăng 2,9% (đây là mức tăng trưởng thấp so với 7,0% của năm 2019) nhưng vẫn đưa Việt Nam vào nhóm quốc gia tăng trưởng cao nhất năm 2020. Trong ba khu vực chính của nền kinh tế, ngành nông, lâm và ngư nghiệp tăng 2,7%; ngành công nghiệp và xây dựng tăng 4,0% và ngành dịch vụ tăng 2,3%. Lạm phát tiếp tục được kiểm soát tốt, lạm phát cơ bản chỉ tăng 2,31%. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm trước, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2020 dưới 4% của Quốc Hội đề ra trong bối cảnh một năm với nhiều biến động khó lường.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế Việt Nam còn phải đối mặt với nhiều khó khăn do chịu nhiều tác động đan xen bởi tình hình kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp và khó lường. Dịch Covid 19 đã làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành thương mại, du lịch và vận tải, khiến không ít doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô và tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

II. Kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong năm 2020

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2020	TH năm 2020	TH 2020/KH 2020 (%)
Vốn điều lệ	Đồng	20.000.000.000	20.000.000.000	100%
Doanh thu thuần	Đồng	6.740.000.000	2.284.080.000	33,89%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	25.000.000	-321.453.539	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,370	-0,141	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	%	0,125	-0,016	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

Năm 2020, doanh thu thuần của Công ty đạt 33.89% (2.284.080.000 đồng) so với kế hoạch (6.740.000.000 đồng). Điều này là do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 lên thị trường đào tạo và tổ chức sự kiện. Dịch bệnh đã gây khó khăn trong việc tổ chức các khóa học offline và các dịch vụ tư vấn, đào tạo của Công ty đã khiến cho doanh thu chưa đạt được kế hoạch đề ra. Đồng thời, lợi nhuận sau thuế của Công ty cũng không đạt kế hoạch năm 2020 và thu về lợi nhuận âm, điều này là do doanh thu Công ty không đạt kế hoạch và chi phí hoạt động của Công ty, đặc biệt là những khoản khấu hao các tài sản cố định phục vụ cho quá trình hoạt động của Công ty lớn hơn so với doanh thu đạt được (3.003.940.202 đồng).

Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh năm 2020 của công ty như sau:

Nhân tố bên ngoài:

- Do thị trường chung đi xuống, ngân sách dành cho đào tạo, tham dự sự kiện, hội thảo của khách hàng có xu hướng cắt giảm rõ rệt, ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu của công ty. Quy mô thị trường (market size) bị thu hẹp.
- + Nhiều doanh nghiệp cùng ngành hoạt động không hiệu quả do chi phí nhân công, phí chuyên gia, chi phí vận hành marketing cao. Chính vì vậy, các doanh nghiệp có khả năng bám trụ thị trường lại có khả năng chiếm lĩnh thị phần (market size)
- + Các công ty cùng ngành nhưng thuê chuyên gia nước ngoài về đào tạo gần như ngừng hoạt động hoàn toàn do Việt Nam ngừng các chuyến bay thương mại quốc tế. Việc này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đào tạo dùng chuyên gia trong nước có thêm cơ hội tiếp cận đến khách hàng

Nhân tố bên trong:

- + Công ty có hệ thống nhân sự gọn nhẹ, chủ yếu liên kết với các đối tác và nhà cung ứng bên ngoài nên có chi phí cố định thấp, dễ điều tiết và cân đối dòng tiền chi trả ngắn hạn.
- + Công ty không xây dựng phòng marketing, truyền thông theo cách truyền thống để tìm kiếm khách hàng với chi phí cố định lớn mà tập trung vào việc chăm sóc khách hàng cũ để họ giới thiệu khách hàng mới. Việc này đặc biệt hiệu quả trong năm 2020.
- Công ty có sản phẩm/ dịch vụ chưa đa dạng, nên chưa tối ưu chỉ số Giá Trị Vòng Đời Khách Hàng (customer lifetime value). Đây là việc cần được cải thiện ngay trong năm 2021

III. Mục tiêu và giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021

1. *Triển vọng phát triển của ngành và của công ty*
2. *Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2021*

Kế hoạch kinh doanh năm 2021

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	Tỷ lệ % so với năm 2020
1	Doanh thu	7.414.000.000	2.682.486.663	176,39%



2	Lợi nhuận trước thuế	980.000.000	(321.453.539)	-
3	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	0	0	-
4	Lao động bình quân (người)	7	7	-
5	Lương bình quân (triệu đồng/người)	9.050.000	8.400.000	7,74%

3. Giải pháp và biện pháp để thực hiện được các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021

- Đẩy mạnh các dòng dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp, tăng Giá Trị Vòng Đời Khách Hàng dựa trên nền tảng các khách hàng cũ của công ty.
- Nghiên cứu triển khai dòng dịch vụ đào tạo qua nền tảng trực tuyến, kịp thời thích nghi với trạng thái "bình thường mới" của Việt Nam
- Tuyển dụng và xây dựng phòng marketing và truyền thông, tiếp tục gia tăng độ nhận diện thương hiệu và chiếm thị phần

Trên đây là báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình kinh doanh 2020 và kế hoạch 2021, thay mặt Ban Giám đốc, tôi xin kính chúc các Quý cổ đông và Quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT;

GIÁM ĐỐC



TRẦN THÙY LINH

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2021

Số: 02/2021/BCBKS-DHDCĐ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư CFM, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư CFM xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020 và định hướng năm 2021 với các nội dung sau:

1. Các hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia các buổi làm việc của Hội đồng quản trị về kế hoạch hoạt động của Công ty.
- Tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện.
- Xem xét các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Ban điều hành và Phòng Tài chính kế toán chuẩn bị.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát

Trong năm qua các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Ban kiểm soát đã có những đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

- Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển, điều hành của Ban điều hành.
- Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không gây thiệt hại cho các cổ đông.

❖ Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Đỗ Thị Minh Hiếu	Trưởng BKS	2/2	100%
2	Ông Nguyễn Trọng Giang	TV BKS	2/2	100%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	TV BKS	2/2	100%

❖ Các quyết định của Ban kiểm soát ban hành trong năm 2020:

- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định các báo cáo tài chính của công ty, việc tuân thủ đúng chế độ kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Đến hết năm 2020 Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Hệ thống kiểm soát tài chính và chế độ giao ban vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp. Ban Kiểm soát đồng ý với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của kiểm toán. Một số thông tin và chỉ tiêu tài chính:

Tình hình công nợ phải trả

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2020
1. Nợ ngắn hạn	554.019.614	662.306.680
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	168.166.668	168.166.668
Phải trả người bán	1.650.000	-
Người mua trả tiền trước	132.000.000	13.200.000
Phải trả người lao động	52.176.364	126.070.000
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	33.356.001	30.470.012
Chi phí phải trả ngắn hạn	930.581	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	10.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	155.740.000	324.400.000
2. Nợ dài hạn	658.652.775	490.486.107
Vay và nợ dài hạn	658.652.775	490.486.107
Tổng cộng	1.212.672.389	1.152.792.787

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2020
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.287.319.189	222.800.000
Phải thu từ khách hàng	-	-
Trả trước cho người bán	33.809.600	122.400.000
Các khoản phải thu khác	53.509.589	100.400.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.200.000.000	-
2. Các khoản phải thu dài hạn		
Phải thu dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	1.287.319.189	222.800.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	Lần	24,58	11,14
Hệ số thanh toán nhanh ((=TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	24,58	11,10
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,06	0,06
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,06	0,06
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,16	0,11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-26,11	-14,07
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-4,50	-1,67
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	%	-2,53	-1,57

4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban điều hành

280
3 TY
HÂN
TU
M
1-TP

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban điều hành.

Ban Kiểm soát cho rằng các cán bộ quản lý của Công ty đã thể hiện trách nhiệm trong việc điều hành.

5. Định hướng hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát sẽ triển khai thực hiện nhiệm vụ theo định hướng mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua trong phạm vi nghĩa vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ công ty và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.
- Kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty Tăng cường kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành;
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT,, BGD;
- Lưu VT;

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



ĐỖ THỊ MINH HIỂU



Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư CFM kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO, đã được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và công bố thông tin công khai theo quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc;
2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập: Đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần;
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020;
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2020.

Nội dung chi tiết của Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Đầu tư CFM được công bố trên website: <https://vi.cfminvestment.com/investorrelation>

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN QUỐC TRUNG

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

1. Do kết quả kinh doanh năm 2020 bị lỗ, nên Công ty sẽ không chia cổ tức và không trích lập các quỹ trong năm 2020.
2. Theo kế hoạch, lợi nhuận trước thuế năm 2021 của Công ty là 980,000,000 đồng. Toàn bộ lợi nhuận sau khi nộp thuế phải dùng để bù đắp khoản lỗ năm 2020 do đó Công ty sẽ không chia cổ tức và không trích lập các quỹ trong năm 2021.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, GD;
- Lưu VT;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN QUỐC TRUNG

Số: 03/2021/TT-ĐHQĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH**THÔNG QUA THÙ LAO CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BKS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM;

Để đảm bảo cho hoạt động của HĐQT và BKS trong việc triển khai nhiệm vụ được giao, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM và các quy định của Nhà nước, Hội đồng Quản trị xin báo cáo mức thù lao của HĐQT và BKS cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và xin đề xuất mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm tài chính tiếp theo như sau:

1. Báo cáo thù lao của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm tài chính kết thúc 31/12/2020

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Chức danh	Số lượng	Thù lao kế hoạch	Thù lao thực hiện	Ghi chú
Chủ tịch HĐQT	01	0	0	
TV HĐQT	02	0	0	
Trưởng BKS	01	0	0	
TV BKS	02	0	0	

Tổng quỹ thù lao thực hiện: 0 (Bằng chữ: không) đồng.

2. Kế hoạch thù lao của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm tài chính kết thúc 31/12/2021

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Chức danh	Số lượng	Thù lao kế hoạch	Ghi chú
HĐQT	03	15,000,000	
BKS	03	15,000,000	

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu VT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN QUỐC TRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2021 /TT-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM;

Hội đồng Quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

Qua quá trình tìm hiểu và xem xét năng lực của các công ty kiểm toán độc lập đã được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021, Hội đồng Quản trị giới thiệu và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán BDO thực hiện kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính 2021.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, GD;
- Lưu VT;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN QUỐC TRUNG

Số: 05/TT-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Ngày 17/06/2020, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Cùng với Luật Chứng khoán 2019 cũng bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 2020 đã tạo nên khung hành lang pháp lý chặt chẽ hơn, có nhiều điểm mới về khuôn khổ quản trị công ty, đặc biệt là đối với công ty đại chúng.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ này cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Điều lệ được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và/hoặc Người đại diện theo pháp luật ký ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động theo các nội dung sửa đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN QUỐC TRUNG

**PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM**

(Đính kèm Tờ trình số 05/TT-DHĐCĐ, ngày tháng năm 2021)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là phần được gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in đậm
- Luật Doanh nghiệp 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Các nội dung chi thay đổi **Số thứ tự** do chỉnh sửa, bổ sung, thêm bớt một số điều sẽ không được nêu chi tiết trong Phụ lục này
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán .
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM thông qua theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 29 tháng 07 năm 2020.	Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 04 năm 2021.	Cập nhật thời gian và phiên họp ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ
<i>Căn cứ:</i>	<i>Căn cứ:</i>	
<ul style="list-style-type: none"> • <u>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26/11/2014.</u> 	<ul style="list-style-type: none"> • <u>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020.</u> • <u>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.</u> 	Bổ sung căn cứ theo Luật hiện hành
<ul style="list-style-type: none"> • <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Đầu tư CFM ngày 29/07/2020.</u> 	<ul style="list-style-type: none"> • <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư CFM ngày 25/04/2021.</u> 	Chỉnh sửa căn cứ nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1: Định nghĩa	Điều 1: Định nghĩa	
1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới	1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới	

<p>đây sẽ được hiểu như sau:</p>	<p>đây sẽ được hiểu như sau:</p>	
<p>(a) <u>“Vốn điều lệ”</u> là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại 0 của Điều lệ này.</p>	<p>a. <u>“Vốn điều lệ”</u> là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 4 Điều lệ này</p>	
<p>(b) <u>“Cán bộ chủ chốt”</u> là những người giữ các chức vụ quản lý Công ty gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, Phó Tổng Giám đốc Công ty; Giám đốc Công ty; Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng; Trưởng phòng; Giám đốc các đơn vị trực thuộc.</p>	<p>c. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng. d. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng.</p>	<p>Bổ sung định nghĩa Người điều hành theo khoản 55 Điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và định nghĩa Người quản lý doanh nghiệp theo khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>(c) <u>“Người có liên quan”</u> là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2014.</p>	<p>e. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu luật</p>
<p>(d) <u>“Cổ đông chiến lược”</u> là cổ đông cam kết góp vốn có lợi ích lâu dài với Công ty; có năng lực tài chính, năng lực quản trị, sở hữu công nghệ mới, có khả năng hỗ trợ phát triển kinh doanh phù hợp với các tiêu chí lựa chọn Cổ đông chiến lược do Hội đồng quản trị Công ty xây dựng.</p>	<p>f. “Cổ đông chiến lược” là cổ đông cam kết góp vốn có lợi ích lâu dài với Công ty; có năng lực tài chính, năng lực quản trị, sở hữu công nghệ mới, có khả năng hỗ trợ Công ty phát triển kinh doanh phù hợp với các tiêu chí lựa chọn Cổ đông chiến lược do Hội đồng quản trị Công ty xây dựng. g. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm:</p>	

	<p>vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</p>	
<p>CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY</p>	<p>CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY</p>	
<p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty</p>	<p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty</p>	
<p>2.1. Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>2.4. Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty là 01 (một) người và Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Quy định chi tiết số lượng người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>4.1. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chi bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại 0.3 và 0.4 của Điều lệ này.</p>	<p>4.2. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chi bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 14 của Điều lệ này.</p>	<p>Chỉnh sửa dẫn chiếu tại Điều lệ</p>

<p>4.2. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hối đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này. Luật và văn bản hướng dẫn liên quan.</u></p>	<p>4.7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p>	<p>Bộ quy định này do theo Luật Chứng khoán, công ty mua lại cổ phần phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ.</p>
<p>5.1 <u>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.</u></p>	<p>5.3. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.</p>	<p>Bộ quy định về hồ sơ chuyển nhượng cổ phần do cổ phiếu công ty đã lưu ký tập trung và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tuân theo quy định về lưu ký, bù trừ chứng khoán.</p>
<p>5.2 Trường hợp chuyển nhượng một số cổ phần trong một Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cũ sẽ được thu hồi lại và cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới ghi nhận số cổ phần còn lại.</p>		<p>Bộ điều này với lý do như trên</p>
<p>5.3 Giấy chứng nhận cổ phần đã được cấp trước ngày hiệu lực của Điều lệ này (nếu có) vẫn giữ nguyên hiệu lực theo các quy định và</p>		<p>Bộ nội dung này</p>

điều lệ cũ.		
<p>Điều 6: Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>d, Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p>	<p>Điều 6: Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>a. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p>	
<p>6.4 Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ cổ đông.</p>	<p>6.4 Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ cổ đông.</p>	
<p>Điều 8. Chào bán cổ phần</p>	<p>Điều 8. Chào bán cổ phần</p>	
<p>8.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>8.1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p>	<p>Chỉnh sửa lại do công ty đang là công ty đại chúng và việc thực hiện chào bán cổ phần tuân theo quy định của Luật Chứng khoán</p>
<p>8.2 Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ</p>		<p>Bổ nội dung khoản 8.2 do nội dung này áp dụng cho công ty không phải công ty đại chúng theo quy định tại</p>

Khoản 2 Điều 124 Luật Doanh nghiệp	
<p>phần hiện có của họ tại Công ty thì thực hiện theo quy định sau đây:</p>	
(a) Công ty thông báo bằng văn bản đến các cổ đông đến địa chỉ liên lạc của họ (ghi tại hồ sơ cổ đông tại Công ty).	
(b) Thông báo phải có các thông tin bắt buộc theo quy định của pháp luật;	
(c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác nhưng phải phù hợp với quy định của đợt phát hành và Quy chế Chuyển nhượng cổ phần của Công ty;	
(d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với	

<p>những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>		
<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p><u>Quy trình chuyển nhượng cổ phần tuân theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế Chuyển nhượng Cổ phần của Công ty và các hạn chế, thủ tục được áp dụng cho các cổ phần phát hành mới có tính đặc thù theo phê duyệt cụ thể của Đại hội đồng cổ đông tại mỗi đợt phát hành.</u></p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>Quy trình chuyển nhượng cổ phần tuân theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các hạn chế, thủ tục được áp dụng cho các cổ phần phát hành mới có tính đặc thù theo phê duyệt cụ thể của Đại hội đồng cổ đông tại mỗi đợt phát hành.</p>	<p>Chỉnh sửa quy định này do cổ phiếu công ty đã lưu ký tập trung và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tuân theo quy định về lưu ký, bù trừ chứng khoán.</p>
<p>Điều 10. Thừa kế cổ phần</p> <p>10.1 Trong trường hợp khi có cổ đông cá nhân qua đời, Công ty công nhận quyền sở hữu cổ phần của người thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất, bằng thủ tục uỷ quyền có xác nhận công chứng. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. Công ty không tham gia xử lý tranh chấp giữa những người thừa kế</p>	<p>Điều 10. Thừa kế cổ phần</p> <p>10.1 Trong trường hợp khi có cổ đông cá nhân qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của pháp luật thừa kế. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.</p>	<p>Chỉnh sửa do cổ phiếu của công ty đã được lưu ký tập trung, việc thừa kế cổ phần tuân theo quy định của Luật chứng khoán về việc lưu ký, bù trừ chứng khoán. Người nhận thừa kế phải làm thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền trước sau đó Công ty mới có thẩm quyền xác nhận quyền sở hữu.</p>
<p>10.2 Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ</p>	<p>10.2 Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ</p>	<p>Chỉnh sửa do cổ phiếu của công ty đã</p>

<p>chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách thì tổ chức/pháp nhân mới kế thừa hợp pháp quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc kế thừa và văn bản cử người đại diện.</p>	<p>chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách thì tổ chức/pháp nhân mới kế thừa hợp pháp quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho cơ quan có chức năng đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi đó và có văn bản cử người đại diện khi đã hoàn thành đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông</p>	<p>được lưu ký tập trung, việc thừa kế cổ phần tuân theo quy định của Luật chứng khoán về việc lưu ký, bù trừ chứng khoán</p>
<p>CHƯƠNG IV. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p>CHƯƠNG IV. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	
<p>Điều 13. Quyền của cổ đông</p> <p>13.2 Cổ đông là người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>(a) Chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ và Quy chế <u>Chuyển nhượng cổ phần của Công ty</u>.</p> <p>(b) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh</p>	<p>Điều 13. Quyền của cổ đông</p> <p>13.2. Cổ đông là người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Bỏ quy chế chuyển nhượng cổ phần của công ty vì cổ phiếu công ty đại chúng phải được chuyển nhượng theo Luật chứng khoán</p>
<p>(b) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh</p>	<p>b. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Luật doanh nghiệp</p>

nghệp.	quy định khác của pháp luật có liên quan;	
(c) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	c. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;	Sửa theo Điểm e khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp
(d) Trường hợp Công ty giải thể, được nhận phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;	d. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;	Sửa theo Điểm g khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp
(e) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp theo quy định của pháp luật;	e. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp theo quy định của pháp luật; f. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;	Bổ sung theo khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu – Thông tư 116/2020/TT-BTC
	g. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty	

	<p>công bố theo quy định của pháp luật; h. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Chỉnh sửa theo Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>13.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p>	<p>13.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p>	<p>Bổ quy định về đề cử đối với nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên</p>
<p>(a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các 0.2 và 0.7;</p>		
<p>(b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.</p>	<p>a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.</p>	
<p>(c) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này.</p>	<p>b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này.</p>	
<p>(d) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại</p>	<p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ</p>	

<p>hội đồng cổ đông.</p>	<p>(e) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông; tổng số cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>đồng.</p>	<p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>13.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 13.3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>13.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 13.3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa theo Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>13.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 13.3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>13.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p>	<p>Sửa theo Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</p>				

	<p>Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 24.2 và Điều 35.7 Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>
<p>Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông</p>
<p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p>	<p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p>
<p>14.1 Khi chuyển nhượng cổ phần phải tuân thủ theo các thủ tục quy định tại Quy chế <u>Chuyển nhượng Cổ phần của Công ty.</u></p>	<p>14.5. Khi chuyển nhượng cổ phần phải tuân thủ theo các thủ tục quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>
<p>14.2 Cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng cổ phần Công ty do mình nắm giữ nếu không được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị Công ty (trừ trường hợp có quy định khác đi tại mỗi đợt phát hành). <u>Khi chuyển nhượng cổ phần thì phải thực hiện theo thủ tục quy định tại Quy chế <u>Chuyển nhượng Cổ phần của Công ty.</u></u></p>	<p>14.6. Cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng cổ phần Công ty do mình nắm giữ nếu không được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị Công ty (trừ trường hợp có quy định khác đi tại mỗi đợt phát hành).</p>

<p>14.3 Tất cả các cổ đông đều phải đăng ký địa chỉ liên lạc của mình với Công ty, và phải thông báo lại cho Công ty khi có sự thay đổi về địa chỉ liên lạc.</p>	<p>14.7. Tất cả các cổ đông đều phải đăng ký địa chỉ liên lạc của mình với Công ty, và phải thông báo lại cho Công ty khi có sự thay đổi về địa chỉ liên lạc.</p> <p>14.8. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác</p>	<p>Bổ sung khoản 8 theo Khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 15. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>15.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06</p>	<p>Điều 15. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng</p>	<p>Sửa theo khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	
<p>Không có</p>	<p>15.3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc); e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với 	<p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu – Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản (ngoài sản phẩm kinh doanh) có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

	<p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 16. Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>16.1 Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự.</p>	<p>Điều 16. Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>16.1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác được pháp luật cho phép</p>	<p>Chỉnh sửa theo Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>16.2 Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>16.2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản uỷ quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được uỷ quyền và số lượng cổ phần được uỷ quyền. Văn bản uỷ quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>Chỉnh sửa theo Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>17.1 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 17.4(b) hoặc Điều 17.4(c).</p>	<p>17.1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 17.4(b) hoặc Điều 17.4(c).</p>	
<p>17.2 Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm, phương thức phù hợp (bao gồm cả phương thức trực tuyến). Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p>	<p>17.2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm, phương thức phù hợp (bao gồm cả phương thức trực tuyến). Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p>	
<p>(a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty</p>	<p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty</p>	
<p>(b) Báo cáo tài chính hàng năm;</p>	<p>b. Báo cáo tài chính hàng năm; Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

	<p>chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.</p>
<p>17.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p>17.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>
<p>(a) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p>	<p>a. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ; hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này</p>
<p>17.4 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p>	<p>17.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p>
<p>(a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn</p>	<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi</p>
<p>Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p>	
<p>Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p>	

<p>ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điều 17.3(b) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 17.3(c) hoặc 17.3(d).</p>	<p>(30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điều 17.3(b) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 17.3(c) hoặc 17.3(d). Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p>
<p>17.5 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>(a) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	<p>17.5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Cung cấp thông tin và phương thức hợp lý để cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử (nếu có) trong trường hợp Công ty tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến.</p> <p>b. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>
<p>17.6 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười (10)</u> ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có các nội dung bắt buộc theo quy định của pháp luật. Thông báo</p>	<p>17.6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có các nội dung bắt buộc theo quy định của pháp luật. Thông báo</p>

<p>được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông.</p>	<p>được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông.</p>	
<p>17.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 9 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>17.11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 9 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</p>	<p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>17.8 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>17.12. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.</p>	
<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	

<p>18.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>18.1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>18.2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <u>đại hội phải được triệu tập lần thứ hai</u> trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>18.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>Khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>18.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <u>Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập</u> trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỉ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	<p>18.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỉ lệ số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	<p>Khoản 3 Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>thê phê chuẩn.</p> <p>18.4 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu biểu quyết trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Các hợp đồng quy định tại <u>0 Điều 15</u> này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>	<p>18.4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu biểu quyết trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại Điều 15 Điều 15 này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>	
<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>19.1 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thể biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết.</p> <p>19.2 Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho <u>Tổng Giám đốc</u> làm chủ tọa; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp, và người</p>	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>19.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thể biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có).</p> <p>19.4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa (với cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập), Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với thực tế triển khai</p> <p>Sửa theo điểm a Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp, hoặc người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp, hoặc người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một hoặc nhiều thư ký để lập biên bản đại hội. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua trước phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>	<p>hoặc Trưởng Ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp, và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp, hoặc người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một hoặc nhiều thư ký để lập biên bản đại hội. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Sửa theo Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>19.3 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội trong trường hợp:</p>	<p>19.6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nhưng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc mà không cần lấy ý kiến của đại hội trong trường hợp:</p>	<p>Bổ sung trong trường hợp công ty tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến</p>
<p>Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất 1 lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất 1 lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	

	<p>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>20.1 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo 1 trong 2 phương thức sau:</p>	<p>20.3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên <u>50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo 1 trong 2 phương thức sau:</p>	<p>Theo khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>(a) Phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người</p>	<p>(a) Phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản</p>	

<p>trung cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>trị hoặc Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	
<p>(b) Phương thức khác: Theo đề xuất của Hội đồng Quản trị đương nhiệm và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết đồng ý với tỷ lệ <u>51%</u> số phiếu có quyền biểu quyết của các đại biểu tham dự, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức biểu quyết thông thường và các thành viên cử nếu được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết đồng ý với tỷ lệ <u>51%</u> số phiếu có quyền biểu quyết của các đại biểu tham dự.</p>	<p>(b) Phương thức khác: Theo đề xuất của Hội đồng Quản trị đương nhiệm và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết đồng ý với tỷ lệ <u>trên 50%</u> số phiếu có quyền biểu quyết của các đại biểu tham dự, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức biểu quyết thông thường và các thành viên trúng cử nếu được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết đồng ý với tỷ lệ <u>trên 50%</u> số phiếu có quyền biểu quyết của các đại biểu tham dự.</p>	<p>Theo khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>20.2 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	<p>20.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	<p>Theo khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Không có</p>	<p>20.5. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất</p>	<p>Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>
<p>Điều 21. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết</p>	<p>Điều 21. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị</p>

<p>của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>21.1 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng <u>phương thức bảo đảm</u> đến từng cổ đông theo địa chỉ mà cổ đông đã đăng ký với Công ty.</p>	<p>quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>21.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng <u>phương thức bảo đảm</u> đến từng cổ đông theo địa chỉ mà cổ đông đã đăng ký với Công ty.</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>22.1 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ Công ty. Các bản ghi chép, biên bản, chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>22.1. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ Công ty. Trưởng hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 150 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>từ chối ký biên bản họp.</p> <p>Các bản ghi chép, biên bản, chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>22.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>22.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trên biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 150 Luật Doanh nghiệp</p>
	<p>22.3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng</p>	<p>Sửa theo Khoản 4 Điều 150 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều luật 114 của luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 155 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu tại Luật hiện hành</p>

<p>hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	
<p>(a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 148 của luật Doanh nghiệp.</p>	<p>a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 điều 152 của luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu tại Luật hiện hành</p>
<p>CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>		
<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 02.</p>	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 02.</p> <p>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p>	<p>Sửa thảo Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><u>Trường hợp công ty cổ phần được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp thì các giấy tờ, giao dịch của công ty phải ghi rõ “thành viên độc lập” trước họ, tên của thành viên</u></p>		<p>Bỏ nội dung này</p>

<u>Hội đồng quản trị tương ứng.</u>		
24.1 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	24.5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	
(a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị;	a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị;	
(b) Có đơn xin từ chức;	b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;	Bổ sung theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp
24.2 Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.		Bổ nội dung này do bị trùng
24.3 Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.		Bổ nội dung này do bị trùng
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội	

quản trị	đồng quản trị	
25.1 Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	25.2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	Theo điểm h Điều 153 Luật Doanh nghiệp
a) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>nhỏ hơn</u> 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	a. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	
b) Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị <u>nhỏ hơn</u> 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	b. Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Phân quyền cho Giám đốc (Tổng Giám đốc) quyết định với giá trị nhỏ hơn để đảm bảo hoạt động kinh doanh được thông suốt.
	c. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.	Bổ sung theo khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu – Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
26.1 Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số	26.1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số	Sửa theo khoản 2 Điều 156 Luật

<p>các thành viên Hội đồng quản trị đề bầu ra một Chủ tịch. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty.</u></p>	<p>các thành viên Hội đồng quản trị đề bầu ra một Chủ tịch. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty.</u></p>	<p>Doanh nghiệp</p>
	<p>26.5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty 	<p>Bổ sung theo Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	
<p>(a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) <u>Cán bộ chủ chốt;</u></p>	<p>a. Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;</p>	<p>Theo khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>

(b) Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;	b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;	
(c) <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u>	c. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (nếu có);	
(d) Đa số thành viên Ban kiểm soát.	d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.	
27.1 Thông báo và chương trình họp Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.	27.5. Thông báo và chương trình họp Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.	Bổ sung theo Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có <u>ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua điện thoại</u> .	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 03 người thì tối thiểu có 02 thành viên tham gia.	Sửa theo khoản 8 Điều 157 Luật doanh nghiệp.

27.2 Biểu quyết	27.7. Biểu quyết	Ủy quyền cho người khác đến dự họp;	Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;	Bổ sung theo khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
<p>Điều 28. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>28.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.</p> <p>28.2 Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 28. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>28.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.</p> <p>28.2. Chủ tọa, thư ký và người ký tên trên biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	Bổ sung thêm theo Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp	Sửa theo Khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp	Bổ sung thêm theo Khoản 5 Điều 158 Luật Doanh nghiệp
<p>28.3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật (trừ chữ ký của Chủ tọa và Thư ký) thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>28.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như</p>	<p>28.3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật (trừ chữ ký của Chủ tọa và Thư ký) thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>28.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như</p>	Bổ sung thêm theo Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp	Bổ sung thêm theo Khoản 5 Điều 158 Luật Doanh nghiệp	Bổ sung thêm theo Khoản 5 Điều 158 Luật Doanh nghiệp

	<p>nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>
<p>Điều 29. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 29. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p>
<p>29.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, các Cán bộ chủ chốt khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p>	<p>29.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), các người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p>
<p>29.2 Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, các Cán bộ chủ chốt khác được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>29.2. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), các người quản lý khác được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>
<p>CHƯƠNG VI. BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH, NGHĨA VỤ KHÁC</p>	<p>CHƯƠNG VI. BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH, NGHĨA VỤ KHÁC</p>
<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc</p>	<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc</p>
<p>Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc hoặc Giám</p>	<p>Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc hoặc Giám</p>
	<p>Chỉnh sửa theo Khoản 2 Điều 162</p>

<p>đốc theo quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p>	<p>đốc theo quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị nhưng không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p>	<p>Luật doanh nghiệp</p>
<p>30.1 Quyền hạn và nhiệm vụ.</p>	<p>30.4. Quyền hạn và nhiệm vụ.</p>	
<p>Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p>	<p>Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p>	
	<p>a. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.</p>	<p>Bổ sung thêm thẩm quyền của Giám đốc trong việc phê duyệt các quyết định của công ty</p>
	<p>b. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm q khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung thêm thẩm quyền của Giám đốc trong việc phê duyệt các quyết định của công ty</p>
	<p>c. Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị</p>	

	<p>dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.</p>	
<p>Điều 31. Thư ký Hội đồng quản trị</p> <p>31.1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:</p>	<p>Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng Quản trị</p> <p>31.1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm.</p>	
	<p>31.2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

	<p>định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>31.3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:</p>
	<p>31.3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:</p>
<p>(a) Chuẩn bị các điều kiện đề tổ chức các</p>	<p>a. Chuẩn bị các điều kiện đề tổ chức các</p>

cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;	cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
(b) Lập biên bản, dự thảo nghị quyết các cuộc họp của Hội đồng quản trị, dự thảo nghị quyết các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông;	b. Lập biên bản, dự thảo nghị quyết các cuộc họp của Hội đồng quản trị, dự thảo nghị quyết các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông;
(c) Thư ký chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác trong ghi chép nội dung biên bản họp;	c. Thư ký chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác trong ghi chép nội dung biên bản họp;
(d) Lưu giữ biên bản, nghị quyết các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;	d. Lưu giữ biên bản, nghị quyết các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
(e) Cung cấp các thông tin tài chính, báo sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;	e. Cung cấp các thông tin tài chính, báo sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
(f) Được hưởng thù lao theo quyết định của Hội đồng quản trị.	f. Được hưởng thù lao theo quyết định của Hội đồng quản trị.
(g) Các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.	g. Các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật	h. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm

thông tin theo các quy định của pháp luật.	bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật.
<p>Điều 32. Nghĩa vụ bảo mật thông tin, đảm bảo lợi ích chung và nghĩa vụ khác của Cổ đông và Cán bộ chủ chốt</p>	<p>Điều 32. Nghĩa vụ bảo mật thông tin, đảm bảo lợi ích chung và nghĩa vụ khác của Cổ đông và Người quản lý công ty</p>
<p>32.1 Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, các <u>Cán bộ chủ chốt</u>, các cán bộ quản lý cấp phó phòng của Công ty cam kết bảo mật nội dung các quy định tại Điều lệ này cũng như mật kinh doanh, tình hình tài chính, thông tin quản trị nội bộ hoặc các thông tin, tài liệu mật khác có được trong quá trình công tác, thực thi quyền và nghĩa vụ tại Công ty;</p>	<p>32.1. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý công ty, các cán bộ quản lý cấp phó phòng của Công ty cam kết bảo mật nội dung các quy định tại Điều lệ này cũng như các thông tin, tài liệu liên quan đến bí mật kinh doanh, tình hình tài chính, thông tin quản trị nội bộ hoặc các thông tin, tài liệu mật khác có được trong quá trình công tác, thực thi quyền và nghĩa vụ tại Công ty;</p>
<p>32.2 Nghĩa vụ bảo mật nêu trên được áp dụng trong cả các tình huống có phát sinh bất đồng, tranh chấp (nếu có) giữa các Cổ đông của Công ty, giữa cổ đông Công ty với Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý khác hoặc các cán bộ quản lý cấp phó phòng khác của Công ty;</p>	<p>32.2. Nghĩa vụ bảo mật nêu trên được áp dụng trong cả các tình huống có phát sinh bất đồng, tranh chấp (nếu có) giữa các Cổ đông của Công ty, giữa cổ đông Công ty với Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý khác hoặc các cán bộ quản lý cấp phó phòng khác của Công ty;</p>
<p>32.3 Việc công bố các tài liệu, thông tin mật nêu trên sẽ chỉ được phép khi có quyết định bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm</p>	<p>32.3. Việc công bố các tài liệu, thông tin mật nêu trên sẽ chỉ được phép khi có quyết định bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm</p>

quyền;	quyền;	
<p>32.4 Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Cán bộ chủ chốt</u> và các cán bộ quản lý cấp phó phòng và tương đương của Công ty vi phạm nghĩa vụ về bảo mật thông tin được quy định tại Điều này sẽ chịu trách nhiệm trước mọi thiệt hại của Công ty phát sinh từ tư hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật;</p>	<p>32.4. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, <u>người quản lý khác</u> và các cán bộ quản lý cấp phó phòng và tương đương của Công ty vi phạm nghĩa vụ về bảo mật thông tin được quy định tại Điều này sẽ chịu trách nhiệm trước mọi thiệt hại của Công ty phát sinh từ hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật;</p>	
<p>32.5 Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Cán bộ chủ chốt</u> và các cán bộ quản lý cấp phó phòng và tương đương của Công ty cam kết hành động vì lợi ích chung của Công ty, không thực hiện các hành vi, hoạt động mâu thuẫn với lợi ích Công ty hoặc gây phương hại đến lợi ích chung của Công ty, tập thể các cán bộ công nhân viên và Cổ đông của Công ty;</p>	<p>32.5. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, <u>người quản lý khác</u> và các cán bộ quản lý cấp phó phòng và tương đương của Công ty cam kết hành động vì lợi ích chung của Công ty, không thực hiện các hành vi, hoạt động mâu thuẫn với lợi ích Công ty hoặc gây phương hại đến lợi ích chung của Công ty, tập thể các cán bộ công nhân viên và Cổ đông của Công ty;</p>	
<p>32.6 Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quyền lợi của cá nhân và quyền lợi chung của Công ty, hành động vì quyền lợi chung của Công ty sẽ được ưu tiên và khuyến khích;</p>	<p>32.6. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quyền lợi của cá nhân và quyền lợi chung của Công ty, hành động vì quyền lợi chung của Công ty sẽ được ưu tiên và khuyến khích;</p>	
<p>32.7 Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, <u>cán bộ chủ chốt</u> và các cán bộ quản lý cấp phó phòng khác của Công ty vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều này sẽ chịu</p>	<p>32.7. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, <u>người quản lý khác</u> và các cán bộ quản lý cấp phó phòng khác của Công ty vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều này sẽ chịu</p>	

nghĩa vụ được quy định tại Điều này sẽ chịu trách nhiệm trước mọi thiệt hại của Công ty phát sinh từ hành vi vi phạm;	trách nhiệm trước mọi thiệt hại của Công ty phát sinh từ hành vi vi phạm;	
32.8 Các Cán bộ chủ chốt có nghĩa vụ sau: (i) Tuân thủ điều kiện về hạn chế chuyển nhượng cổ phần do mình sở hữu (nếu có) theo đúng quy định tại Quy chế Chuyển nhượng Cổ phần của Công ty;		Bỏ nội dung khoản này
(ii) Các nghĩa vụ khác của Cán bộ chủ chốt được quy định theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp.		
Điều 33. Xử lý cổ phần của cổ đông vi phạm	Điều 33. Xử lý cổ phần của cổ đông vi phạm	
33.1 Trong trường hợp cổ đông vi phạm quy định về chuyển nhượng cổ phần, quy định về bảo mật, quy định về không gây phương hại tới lợi ích chung, bị tòa án kết án tù giam, hoặc các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật thì Hội đồng quản trị Công ty có quyền quyết định chi định Công ty mua lại toàn bộ cổ phần của Cổ đông <u>để làm cổ phiếu quỹ</u> (nếu Công ty đủ điều kiện) hoặc chi định một hoặc một số cổ đông Công ty là Cán bộ chủ chốt mua lại toàn bộ cổ phần của Cổ đông vi phạm. Giá mua lại cổ phần	33.1. Trong trường hợp cổ đông vi phạm quy định về chuyển nhượng cổ phần, quy định về bảo mật, quy định về không gây phương hại tới lợi ích chung, bị tòa án kết án tù giam, hoặc các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật thì Hội đồng quản trị Công ty có quyền quyết định chi định Công ty mua lại toàn bộ cổ phần của Cổ đông (nếu Công ty đủ điều kiện) hoặc chi định một hoặc một số cổ đông Công ty là Cán bộ chủ chốt mua lại toàn bộ cổ phần của Cổ đông vi phạm. Giá mua lại cổ phần được xác định bởi một đơn	Bỏ quy định về việc mua lại cổ phần làm cổ phiếu quỹ do Luật Chứng khoán quy định công ty mua lại cổ phần của mình phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ.

<p>được xác định bởi một đơn vị định giá độc lập. Công ty sẽ giới thiệu ba (03) đơn vị định giá độc lập để Cổ đông lựa chọn một đơn vị. Chi phí định giá do bên mua lại chịu.</p>	<p>vị định giá độc lập. Công ty sẽ giới thiệu ba (03) đơn vị định giá độc lập để Cổ đông lựa chọn một đơn vị. Chi phí định giá do bên mua lại chịu.</p>
<p>CHƯƠNG VII. BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>CHƯƠNG VII. BAN KIỂM SOÁT</p>
<p>Điều 34: Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 34: Ban kiểm soát</p>
<p>34.1. Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:</p>	<p>34.2. Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:</p>
<p>(a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p>	<p>a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p>
<p>(b) Thăm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản trị của Hội đồng quản trị.</p>	<p>b. Thăm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của</p>
	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 170 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>34.2. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p>	<p>Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>34.4. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Chỉnh sửa theo Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>34.3. Thủ lao, tiền thưởng cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	<p>34.5. Thủ lao, tiền thưởng cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	
	<p>34.6. Ngoài ra Ban kiểm soát còn có quyền và</p>	<p>Bổ sung theo Điều 288 Nghị định</p>

nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác.
- d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông.
- e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm

	<p>soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	
<p>Điều 35: Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>35.1. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p> <p>35.2. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát:</p>	<p>Điều 35: Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>35.2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>35.4. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát:</p>	<p>Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>(a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;</p>	<p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;</p>	
<p>(b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc và người quản lý khác.</p>	<p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc và người quản lý khác.</p>	
<p>(c) Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</p>	<p>c. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</p> <p>d. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p>	<p>Bổ sung theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>35.3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p>35.6. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	
<p>(a) Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát;</p>	<p>a. Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát;</p>	
<p>(b) Thành viên đó có đơn xin từ chức gửi</p>	<p>b. Có đơn xin từ chức và được chấp</p>	<p>Theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp</p>

đến Công ty;	thuận;	
<p>39.1. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. <u>Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.</u></p>	<p>39.6. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức.</p>	<p>Bỏ nội dung gửi thông báo về việc chỉ trả cho cổ đông do thực tế thực hiện, Công ty tiến hành CBTT đúng theo quy định của pháp luật.</p>
<p>CHƯƠNG X. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p>	<p>CHƯƠNG X. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p>	
<p>Điều 41. Năm tài khóa</p>	<p>Điều 41. Năm tài chính</p>	
<p><u>Năm tài khóa</u> của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.</p>	<p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.</p>	
<p>Điều 49. Ngày hiệu lực</p>	<p>Điều 49. Ngày hiệu lực</p>	
<p>49.1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày <u>29 tháng 07 năm 2020</u></p>	<p>49.1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 04 năm 2021</p>	<p>Cập nhật ngày thông qua Điều lệ</p>